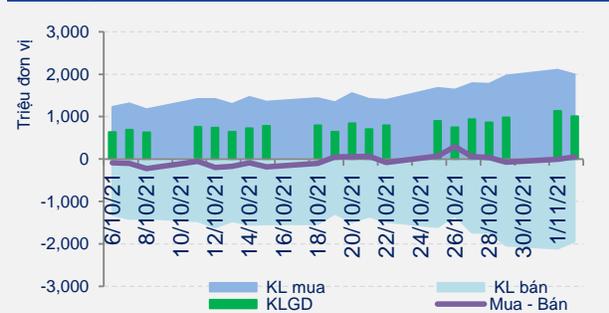


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 2/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,452.46	424.11
% Thay đổi	↑ 0.94%	↑ 2.06%
KLGD (CP)	1,009,487,571	189,433,362
GTGD (tỷ đồng)	28,854.53	4,556.16
Tổng cung (CP)	1,946,416,400	232,153,100
Tổng cầu (CP)	1,998,131,400	240,762,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	45,193,111	1,295,788
KL mua (CP)	28,224,411	703,667
GT mua (tỷ đồng)	1,053.74	16.28
GT bán (tỷ đồng)	2,223.25	40.22
GT ròng (tỷ đồng)	(1,169.51)	(23.94)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.87%	23.9	3.8	1.3%
Công nghiệp	↑ 2.14%	21.8	3.2	12.5%
Dầu khí	↑ 1.36%	18.4	2.1	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.25%	-	6.1	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.79%	18.0	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.39%	22.7	4.1	8.9%
Ngân hàng	↑ 0.67%	11.3	2.3	12.9%
Nguyên vật liệu	↑ 1.74%	12.1	2.9	18.1%
Tài chính	↑ 1.38%	19.4	3.3	37.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.06%	17.1	3.2	2.4%
VN - Index	↑ 0.94%	16.9	2.9	
HNX - Index	↑ 2.06%	23.3	4.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm khá tốt trong phiên hôm nay để chinh phục những mốc điểm cao mới. Cụ thể, VN-Index tăng 13,49 điểm (+0,94%) lên 1.452,46 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 350 mã tăng, 48 mã tham chiếu, 151 mã giảm. HNX-Index tăng 3,42 điểm (+0,83%) lên 415,54 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 160 mã tăng, 48 mã tham chiếu, 151 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.152 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 31.313 tỷ đồng. Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng tiếp tục thu hút dòng tiền với hàng loạt mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần như BCE (+6,8%), DIG (+7%), IJC (+9,9%), LDG (+6,7%), SCR (+6,8%), SJS (+7%), TDC (+6,9%), D2D (+6,9%), NLG (+6,9%)... Dòng tiền cũng đổ mạnh vào các cổ phiếu chứng khoán giúp nhiều mã tăng trần, hoặc gần trần như APS (+9,9%), BSI (+6,9%), BVS (+9,3%), IVS (+9,6%), PSI (+9,4%), VIX (+5,1%), VFS (+8,7%)... Nhóm ngân hàng cũng có diễn biến khả quan với nhiều mã tăng giá giúp đà tăng thị trường được củng cố, có thể kể tới ACB (+1,4%), BID (+0,4%), CTG (+0,6%), EIB (+6,9%), STB (+0,2%), VCB (+0,9%)... Nhóm dầu khí GAS (+0,2%), PGS (+0,7%), PVB (+0,6%), PVC (+9,4%), PVD (+2,5%), PVS (+3,1%), PVT (+1,6%)... sau ít phút điều chỉnh buổi sáng cũng tăng mạnh trong phiên chiều. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu thép không còn giữ được đà tăng, thậm chí HPG (-0,4%), HSG (-0,4%), NKG (-0,6%), POM (-0,6%), VGS (-1,4%), VIS (-0,3%) còn quay đầu giảm trong phiên hôm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường quay trở lại xu hướng tăng trong phiên hôm nay với việc chỉ số VN-Index tiếp tục hướng đến những mức cao mới với thanh khoản tiếp tục trên mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền vẫn đang đổ vào thị trường. Trở ngại duy nhất trong phiên hôm nay là việc khối ngoại tiếp tục bán ròng với hơn 1.100 tỷ đồng trên cả hai sàn. Trên góc nhìn kỹ thuật, với việc VN-Index đóng cửa trên ngưỡng 1.450 điểm thì khả năng để hướng tới ngưỡng tâm lý 1.500 điểm là có thể xảy ra. Tuy nhiên, trên đường tăng giá, thị trường có thể xảy ra những phiên rung lắc khi áp lực chốt lời gia tăng. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 3/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ kể trên.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên đã giúp cho chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 13,49 điểm (+0,94%) lên 1.452,46 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GVR tăng 2.750 đồng, VCB tăng 900 đồng, VHM tăng 700 đồng. Ở chiều ngược lại, NVL giảm 1.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 424,83 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 8,57 điểm (+2,06%) lên 424,11 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: IDJ tăng 6.100 đồng, L14 tăng 21.800 đồng, IDC tăng 4.600 đồng. Ở chiều ngược lại, HHC giảm 5.900 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.119,28 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 13,9 triệu cổ phiếu. NVL là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 567,2 tỷ đồng tương ứng với 5,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 141 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 24,5 tỷ đồng tương ứng với 375,5 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 23,92 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 592 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 7,1 tỷ đồng tương ứng với 218 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NTP với 6,6 tỷ đồng tương ứng với 116 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TDN là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,6 tỷ đồng tương ứng với 160 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Cần 800.000 tỷ đồng phục hồi và phát triển kinh tế

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế giai đoạn 2022-2023 dự kiến có 4 chương trình thành phần. Bộ Kế hoạch & Đầu tư cho biết quy mô của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế là 800.000 tỷ đồng. Việc thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế giúp GDP tăng trưởng thêm 1 điểm phần trăm so với việc không thực hiện.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là thực sự tốt và dòng tiền vẫn đang đổ vào thị trường.

Với việc chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Vì lý do đã nêu trên nên việc nhận định xu hướng thị trường theo sóng Elliot trên biểu đồ ngày hiện không còn hợp lý nên chúng ta sẽ phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.550 điểm (Fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với việc tiếp tục tăng điểm và vượt qua được ngưỡng kháng cự mang tính tâm lý 1.450 điểm thì VN-Index hoàn toàn có thể khả năng tiếp tục đi lên trong thời gian tới để hướng đến những mốc điểm cao hơn mà tiếp theo sẽ là ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Tuy nhiên, trong quá trình đi lên, thị trường có thể phải chịu những rung lắc và điều chỉnh khi mà áp lực chốt lời gia tăng và vùng 1.420-1.425 điểm sẽ là hỗ trợ trong thời điểm hiện tại.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 3/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

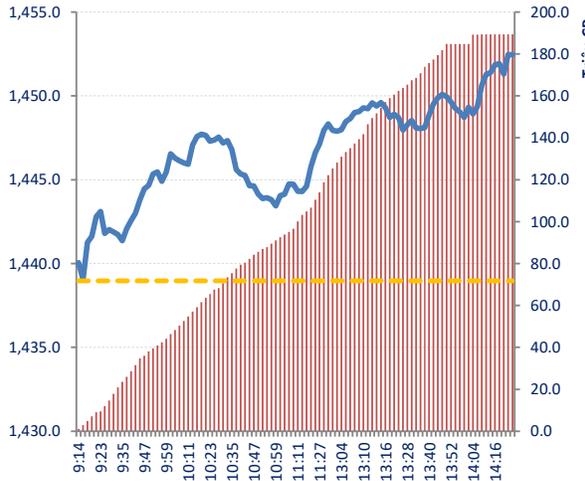
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,75 - 58,4 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 10 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 2/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.150 VND/USD, tăng 10 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

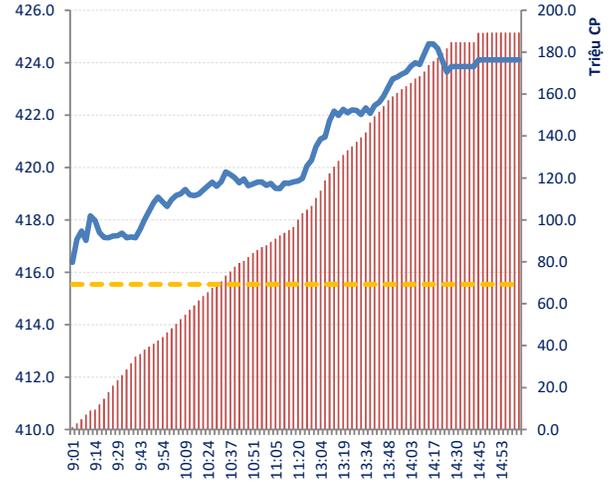
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,3 USD/ounce tương ứng với 0,02% xuống 1.795,5 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,059 điểm tương ứng 0,06% lên 93,938 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1595 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3641 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,53 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,14 USD/thùng tương ứng với 0,17% xuống 83,92 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/11, Dow Jones tăng 94,28 điểm tương đương 0,26% lên 35.913,84 điểm. Nasdaq tăng 97,53 điểm tương đương 0,63% lên 15.595,92 điểm. Nasdaq Composite tăng 8,29 điểm tương đương 0,18% lên 4.613,67 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



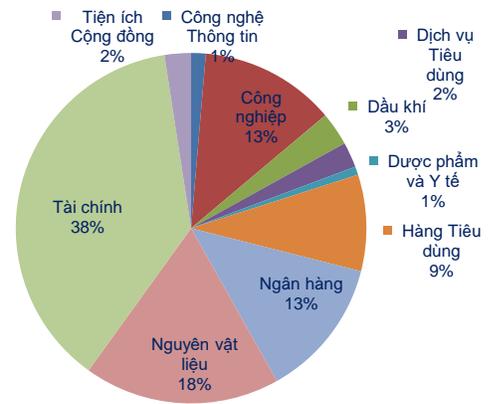
KLGD và HNX-Index trong phiên



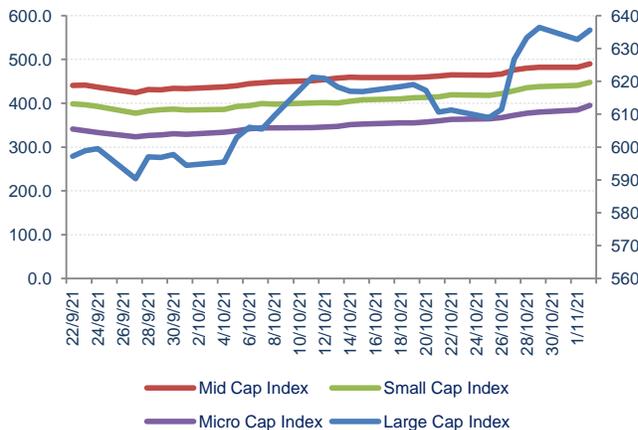
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



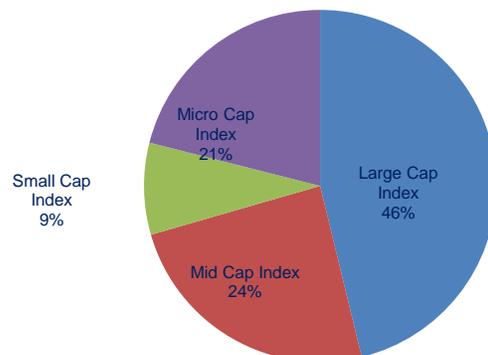
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SBT	764,200	NVL	5,242,900
2	LCG	543,400	NLG	2,311,400
3	CTG	509,700	SSI	2,169,800
4	MHC	493,500	VRE	1,659,900
5	ROS	490,000	HDB	1,425,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TDN	160,300	IVS	319,500
2	HUT	64,900	TNG	217,900
3	KLF	42,000	NTP	116,100
4	TXM	29,200	HLD	54,500
5	IDJ	25,600	VNR	46,802

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
LDG	10.45	11.15	↑ 6.70%	29,124,900
HAG	5.51	5.56	↑ 0.91%	28,270,600
FLC	12.45	12.70	↑ 2.01%	27,997,000
HQC	5.69	5.80	↑ 1.93%	26,663,600
HPG	55.70	55.50	↓ -0.36%	25,669,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	29.40	30.30	↑ 3.06%	12,702,236
CEO	12.10	13.00	↑ 7.44%	10,684,861
KLF	5.10	5.20	↑ 1.96%	10,418,186
BII	16.80	16.60	↓ -1.19%	10,301,241
SHS	40.40	41.50	↑ 2.72%	9,968,470

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NBB	48.40	51.80	3.40	↑ 7.02%
PDN	100.00	107.00	7.00	↑ 7.00%
KMR	9.00	9.63	0.63	↑ 7.00%
IJC	32.90	35.20	2.30	↑ 6.99%
GVR	39.35	42.10	2.75	↑ 6.99%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDB	29.00	31.90	2.90	↑ 10.00%
L18	63.00	69.30	6.30	↑ 10.00%
SVN	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
HGM	40.00	44.00	4.00	↑ 10.00%
V21	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GTA	23.35	22.10	-1.25	↓ -5.35%
BBC	67.00	64.00	-3.00	↓ -4.48%
VMD	39.30	37.60	-1.70	↓ -4.33%
HU1	14.60	14.00	-0.60	↓ -4.11%
SVC	98.00	94.50	-3.50	↓ -3.57%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	35.10	31.70	-3.40	↓ -9.69%
CTB	30.50	28.10	-2.40	↓ -7.87%
PIC	12.90	11.90	-1.00	↓ -7.75%
INC	11.90	11.00	-0.90	↓ -7.56%
HHC	81.40	75.50	-5.90	↓ -7.25%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	591.67	7.9%	2,083	52.6	4.0
NLG	175.73	13.6%	4,688	12.4	1.5
TSC	78.72	5.9%	770	17.4	1.0
SSI	59.69	16.5%	2,051	20.2	2.4
DXG	56.99	7.5%	1,406	16.9	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-71.84	24.9%	3,599	9.1	2.1
CTG	-53.82	18.1%	3,439	9.4	1.6
VHM	-49.45	38.3%	8,968	9.4	3.1
VCB	-47.93	20.4%	5,696	17.0	3.3
STB	-37.97	11.1%	1,864	14.3	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	12.60	13.7%	3,649	11.6	1.4
HBC	6.78	2.2%	370	54.6	1.1
SZC	2.93	20.9%	2,793	21.7	4.3
FRT	1.88	8.9%	1,446	38.0	3.2
VRE	1.80	7.2%	954	32.7	2.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-26.55	13.6%	4,688	12.4	1.5
FUEVFVND	-6.71	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	-6.16	44.7%	7,085	7.9	3.0
VCI	-4.99	24.5%	3,456	19.7	4.3
SSI	-4.22	16.5%	2,051	20.2	2.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	71.84	24.9%	3,599	9.1	2.1
VIC	51.54	2.9%	1,111	86.3	2.2
HPG	41.88	44.7%	7,085	7.9	3.0
VHM	38.17	38.3%	8,968	9.4	3.1
CTG	37.28	18.1%	3,439	9.4	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TSC	-78.70	5.9%	770	17.4	1.0
PVD	-53.18	0.0%	2	15,736.5	0.8
DCM	-48.99	15.8%	1,952	17.4	2.7
DXG	-43.84	7.5%	1,406	16.9	1.1
NLG	-33.13	13.6%	4,688	12.4	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	25.17	6.0%	1,567	31.3	1.8
VHC	24.28	14.7%	4,396	14.7	2.1
GMD	22.78	6.9%	1,554	33.2	2.3
DGC	21.45	29.1%	7,717	20.2	5.2
VCB	20.25	20.4%	5,696	17.0	3.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-615.89	7.9%	2,083	52.6	4.0
NLG	-116.05	13.6%	4,688	12.4	1.5
SSI	-87.14	16.5%	2,051	20.2	2.4
VNM	-79.04	31.0%	5,037	17.9	5.6
MSN	-63.71	8.4%	2,032	71.6	5.3



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
LDG	29,124,900	1.0%	134	78.0	0.8
HAG	28,270,600	3250.0%	(1,448)	-	1.0
FLC	27,997,000	13.1%	1,967	6.3	0.9
HQC	26,663,600	0.1%	9	643.7	0.6
HPG	25,669,500	44.7%	7,085	7.9	3.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	12,702,236	4.6%	1,238	23.8	1.1
CEO	10,684,861	-4.7%	(606)	-	1.0
KLF	10,418,186	0.1%	6	839.2	0.5
BII	10,301,241	2.8%	265	63.4	1.6
SHS	9,968,470	25.5%	3,170	12.7	1.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NBB	↑ 7.0%	28.3%	6,471	7.5	2.0
PDN	↑ 7.0%	26.0%	9,317	10.7	2.7
KMR	↑ 7.0%	1.6%	160	56.1	0.8
IJC	↑ 7.0%	23.5%	3,643	9.0	2.2
GVR	↑ 7.0%	10.5%	1,372	28.7	2.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDB	↑ 10.0%	6.7%	1,061	27.3	1.8
L18	↑ 10.0%	5.2%	820	76.9	4.5
SVN	↑ 10.0%	0.1%	6	1,059.8	0.6
HGM	↑ 10.0%	36.9%	5,028	8.0	3.2
V21	↑ 10.0%	1.9%	180	72.4	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	764,200	8.5%	1,101	20.4	1.7
LCG	543,400	19.6%	2,864	6.3	1.1
CTG	509,700	18.1%	3,439	9.4	1.6
MHC	493,500	16.1%	2,331	5.8	0.9
ROS	490,000	3.1%	326	17.7	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TDN	160,300	10.5%	1,365	12.0	1.3
HUT	64,900	-9.9%	(1,066)	-	1.2
KLF	42,000	0.1%	6	839.2	0.5
TXM	29,200	-1.3%	(220)	-	0.5
IDJ	25,600	19.6%	2,314	26.7	5.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	367,073	38.3%	8,968	9.4	3.1
VIC	364,540	2.9%	1,111	86.3	2.2
VCB	359,761	20.4%	5,696	17.0	3.3
HPG	249,142	44.7%	7,085	7.9	3.0
GAS	232,162	16.9%	4,384	27.7	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,250	25.2%	4,694	50.1	14.2
IDC	22,170	11.3%	1,684	43.9	4.7
KSF	21,300	8.8%	777	91.3	3.6
VCS	20,000	41.5%	11,163	11.2	4.2
BAB	16,644	8.6%	979	22.6	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.62	22.7%	3,585	18.5	3.8
VDS	2.38	31.0%	3,666	9.3	2.4
DRH	2.22	2.8%	395	61.6	1.7
BSI	2.19	17.7%	2,241	16.1	2.7
VIX	2.19	37.3%	4,260	5.6	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	3.23	22.8%	1,864	20.5	3.4
HBS	3.08	1.2%	140	86.1	1.0
ART	2.77	0.3%	32	316.3	0.9
MBS	2.62	17.0%	1,989	18.4	3.2
PSI	2.58	2.9%	300	49.6	1.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
